

Số: 160/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm
giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 13/CT-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2021 về đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về tình hình kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách nhà nước và đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên (lần 2);

Xét Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 và xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 945/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên với những nội dung sau:

I. Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các quan điểm, mục tiêu, khâu đột phá và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội 05 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước thực sự trở thành vốn dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công. Không bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, trừ các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực; các dự án giao thông có tính liên kết vùng, tác động lan tỏa, tạo đột phá quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn. Quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

II. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải bám sát và thực hiện các quan điểm, mục tiêu, đột phá và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 05 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; các chương trình, đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp, giảm ùn tắc giao thông, xây dựng nông thôn mới nâng cao; xây dựng trường học, bệnh viện và chuyển đổi số.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cần xem xét đến kết quả đầu tư công của giai đoạn 2016-2020; quan tâm các địa phương cần đầu tư cơ sở hạ tầng có đóng góp lớn cho ngân sách tỉnh.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. *Phường*

III. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025

1. Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có); thu hồi vốn ứng trước (nếu có).
2. Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (nếu có); dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.
3. Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch (nếu có).
4. Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.
5. Việc lựa chọn danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công; các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn theo quy định. Đồng thời, danh mục nhiệm vụ, dự án đã bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021, đã được cấp có thẩm quyền giao phải thuộc danh mục nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án không thấp hơn mức vốn kế hoạch năm 2021 đã được giao.

IV. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên

1. Tổng vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **20.711.842 triệu đồng**, cụ thể:

- 1.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương **17.094.042 triệu đồng**, bao gồm:
 - Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức 3.348.400 triệu đồng (trong đó: cấp tỉnh quản lý là 2.672.528 triệu đồng; cấp huyện quản lý 675.872 triệu đồng);
 - Nguồn thu từ tiền sử dụng đất là 13.466.537 triệu đồng (trong đó: cấp tỉnh quản lý là 7.466.537 triệu đồng; cấp huyện, xã quản lý là 6.000.000 triệu đồng)
 - Nguồn vốn khác (nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình) là 199.000 triệu đồng;
 - Nguồn vốn xổ số kiến thiết 80.105 triệu đồng.
- 1.2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương **3.617.800 triệu đồng**, bao gồm:
 - Vốn ngân sách Trung ương trong nước là 3.427.700 triệu đồng;
 - Vốn nước ngoài là 190.100 triệu đồng.

(Phụ lục I chi tiết kèm theo)

2. Phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 Tổng vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **20.711.842 triệu đồng** được phân bổ cụ thể như sau:

- 2.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương **17.094.042 triệu đồng**, bao gồm:
 - Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý là **10.418.170 triệu đồng** (gồm: nguồn ngân sách tập trung là 2.672.528 triệu đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất là 7.466.537

ASUN

triệu đồng, nguồn thu hồi vốn ứng trước 199.000 triệu đồng và nguồn xổ số kiến thiết là 80.105 triệu đồng), phân bổ như sau:

- + Bố trí đủ vốn đầu tư các dự án hoàn thành, chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 là 1.474.279 triệu đồng;
- + Đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 962.000 triệu đồng;
- + Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư là 85.158 triệu đồng;
- + Đầu tư chương trình, dự án khởi công mới đã có quyết định chủ trương đầu tư được duyệt là: 7.068.287 triệu đồng;
- + Dự phòng 215.028 triệu đồng;
- + Đối với số vốn còn lại 613.418 triệu đồng chưa được quyết định chủ trương đầu tư, phân bổ kế hoạch trung hạn cho các chương trình, dự án sau khi đã có chủ trương đầu tư được phê duyệt theo quy định;

(Riêng đối với nguồn thu hồi vốn ứng trước để GPMB dự án đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình là 199.000 triệu đồng. Chỉ phân bổ chi tiết kế hoạch vốn hàng năm cho các chương trình, dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép theo đúng quy định của pháp luật)

(Phụ lục II chi tiết kèm theo)

- Phân cấp cho ngân sách cấp huyện, cấp xã quản lý là **6.675.872 triệu đồng**, trong đó:

- + Số vốn ngân sách tập trung phân cấp cho cấp huyện theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025 là 675.872 triệu đồng;
- + Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về cấp huyện, cấp xã là 6.000 tỷ đồng (Nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025: các huyện, thị xã, thành phố chủ động rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn thu sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế để làm căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ở địa phương mình).

(Phụ lục III chi tiết kèm theo)

2.2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương **3.617.800 triệu đồng**, gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương trong nước là 3.427.700 triệu đồng phân bổ để đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên là 2.000 tỷ đồng; số vốn còn lại 1.427.700 triệu đồng phân bổ để đầu tư các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 chuyển sang và các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025, trong đó:

- + Bố trí thu hồi hết số vốn ứng trước là 2.600 triệu đồng;
- + Bố trí đủ vốn đầu tư hoàn thành 08 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 với số vốn 245.600 triệu đồng;
- + Bố trí vốn khởi công mới 04 dự án với số vốn 1.179.500 triệu đồng.

(Phụ lục IV chi tiết kèm theo)

- Vốn nước ngoài 190.100 triệu đồng phân bổ đầu tư 01 dự án chuyển tiếp là Dự án Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên.

(Phụ lục V chi tiết kèm theo) *ASW*

V. Giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025

1. Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, giao kế hoạch vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

2. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và địa phương; huy động sức mạnh của hệ thống chính trị thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đúng tiến độ.

3. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế cho đầu tư phát triển; nâng cao hiệu quả, bảo đảm hoàn thành dự toán thu từ đấu giá quyền sử dụng đất; đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng phục vụ các công trình, dự án được bố trí thực hiện từ nguồn vốn này, nhất là các công trình, dự án quan trọng của tỉnh.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh trong thực hiện kế hoạch đầu tư công.

5. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Quá trình triển khai thực hiện, kịp thời rà soát, đánh giá để điều chỉnh, loại bỏ những dự án kém hiệu quả hoặc chưa thật sự cần thiết, ưu tiên vốn cho các dự án cấp bách, trọng điểm, có tính chất kết nối, lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến (nếu cần) về một số nội dung như sau: điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án mà không làm thay đổi về tổng mức đầu tư; phân bổ chi tiết một số nguồn vốn chưa phân bổ; điều chỉnh nguồn vốn của các công trình dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 khi cần thiết; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách địa phương theo quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Arum

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./ *strung*

Nh
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn
Trần Quốc Toàn

Phụ lục I

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn năm 2021 đã giao	
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	20.711.842	5.513.317	-
A	PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ			
I	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	14.035.970	2.324.260	
1	Cân đối NSDP	10.418.170	1.133.871	
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	2.672.528	439.300	
b	Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý	6.361.362	562.466	
c	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong Khu đại học Phố Hiến	1.105.175	100.000	
d	Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án nổi hai cao tốc	199.000		
đ	Vốn sở xố kiến thiết	80.105	32.105	
e	Nguồn bội chi ngân sách			
2	Vốn ngân sách trung ương	3.617.800	1.190.389	
a	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	3.617.800	1.190.389	
	Trong đó:			
	- Vốn trong nước	3.427.700	1.148.589	
	- Vốn nước ngoài	190.100	41.800	
b	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia			
II	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	3.675.872	1.673.315	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	675.872	128.500	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.000.000	1.544.815	
III	NGUỒN VỐN CẤP XÃ QUẢN LÝ	3.000.000	1.515.742	
	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.000.000	1.515.742	
B	PHÂN THEO NGUỒN VỐN			
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16.895.042	4.322.928	-
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	3.348.400	567.800	-
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	13.466.537	3.723.023	-
3	Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án nổi hai cao tốc	199.000		
4	Vốn sở xố kiến thiết	80.105	32.105	-
5	Nguồn bội chi ngân sách			-
II	Vốn ngân sách trung ương	3.617.800	1.190.389	
	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW, trong đó:	3.617.800	1.190.389	
	- Vốn trong nước	3.427.700	1.148.589	-
	- Vốn nước ngoài	190.100	41.800	



Handwritten signature

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu hồi vốn ứng trước, nguồn XSKT)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ		22.278.846	13.031.212	10.418.170	1.029.342	
A	ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN		22.063.819	12.816.184	10.117.984	1.029.342	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		13.185.011	6.974.096	6.040.117	466.709	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		468.222	349.552	29.028	20.391	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp ĐT.382 (đường 199 cũ) Km0+000 - Km8+000	Số 2148/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1775/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	33.500	33.500	1.100	1.100	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.12B (đoạn từ Km0+000 đến Km0+610 và từ Km2+260 đến Km3+920	Số 2321/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; 2932/QĐ-UBND ngày 08/12/2016	20.920	20.920	400		
3	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 (Long Hưng - Liên Nghĩa), huyện Văn Giang	Số 2025/QĐ-UBND ngày 21/9/2016; 2740/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	44.400	26.180	2.680	2.680	
4	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường ĐH.30, huyện Mỹ Hào	Số 2172/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	30.000	21.000	2.100	2.100	
5	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.56 đoạn từ Km0+000 đến Km3+500 (Độc Bái- Bến đò Đông Ninh), huyện Khoái Châu	Số 1652/QĐ-UBND ngày 08/8/2016	42.800	29.960	2.451		
6	Xây dựng cầu Cáp trên ĐH. 82 thuộc địa phận xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	Số 1987/QĐ-UBND ngày 14/7/2017	12.000	12.000	25	25	
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.87 huyện Phù Cừ đoạn từ QL.38B (Km0+000) - ĐT.386 (Km4+100)	Số 2826/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	38.466	26.926	1.396	1.396	
8	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.72, ĐH.74 huyện Kim Động	Số 2886/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	39.000	27.300	2.570	2.570	
9	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.92 đoạn từ Km0+385 đến Km5+100, huyện Tiên Lữ	Số 2877/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1773/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	55.000	20.250	1.980	1.980	
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Số 2608/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	42.500	29.750	2.975	2.500	
11	Cải tạo, nâng cấp ĐH.59B, huyện Khoái Châu	Số 2827/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	46.500	43.700	4.700		
12	Xây dựng cầu Hồng Tiến tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ)	Số 2175/QĐ-UBND ngày 01/8/2017	32.000	32.000	2.000	2.000	

B. Hùng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT tại 03 xã : Thăng Lợi, huyện Văn Giang; Hùng An, Mai Động, huyện Kim Động; Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên theo đề án phát triển kinh tế vùng bãi	Số 2223/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	6.022	6.022	590	590	
14	Xây dựng cầu Thôn Giang, xã Nhân La, huyện Kim Động	Số 1605/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	979	979	516	516	
15	Xây dựng cầu Mai Động, huyện Kim Động	Số 1603/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	3.589	3.589	1.454	1.454	
16	Xây dựng cầu Đức Hợp, huyện Kim Động	Số 1604/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	3.646	3.646	1.480	1.480	
17	Cải tạo, nâng cấp đường Trục xã Quảng Châu (Đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến khu di tích đền Trần Mã Châu)	Số 2862/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 1243/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	16.900	11.830	611		
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		2.019.372	1.355.929	742.474	379.380	
	Dự án nhóm B						
1	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.380 đoạn Km2 +910 đến Km7+000	Số 1710/QĐ-UBND 08/8/2019	174.770	174.770	144.770	45.333	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.385 Km7+750 - Km16+370 (Đốc Nghĩa - Lương Tài)	Số 1711/QĐ-UBND ngày 08/08/2019	195.000	195.000	176.000	65.667	
3	Dự án Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội trên địa phận tỉnh Thái Bình với QL38 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Số 2714/QĐ-UBND ngày 21/11/2016; 2586/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 1522/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	328.000	111.841	59.061		
	Dự án nhóm C						
1	Đường trong Cụm Công nghiệp Tân Quang (đoạn từ Công ty EVERPIA TSC đến Công ty Hữu Nghị)	Số 2740/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	33.300	28.000	2.350	2.000	
2	Xây dựng đường quy hoạch số 1 kéo dài và đường quy hoạch số 7 huyện Yên Mỹ	Số 2319/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	78.000	67.521	24.590	24.000	
3	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Đông trên ĐH.81, huyện Phù Cừ	Số 2742/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	21.000	15.000	1.500	1.500	
4	Đường quy hoạch số 4, huyện Yên Mỹ (giai đoạn II)	Số 2870/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1805/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	87.000	25.000	2.500	2.500	
5	Đường nối khu A, B Cụm Công nghiệp Tân Quang với quốc lộ 5, huyện Văn Lâm	Số 2878/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	47.000	32.900	4.400	3.000	

B.Tung

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
6	Cải tạo, nâng cấp ĐH.24 huyện Văn Giang (đoạn từ K0+00 đến K2+800 và đoạn từ Km4+900 đến Km7+100)	Số 2848/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	38.000	26.600	7.719	7.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.15, huyện Văn Lâm (đoạn từ Km4+216-Km9+260 theo lý trình mới)	Số 2677/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	42.500	29.750	2.975	2.500	
8	Đường nối khu di tích quốc gia Chùa Nôm - Hưng Yên với cụm di tích quốc gia Kinh Dương Vương - Bắc Ninh, đoạn trên địa phận tỉnh Hưng Yên	Số 1807/QĐ-UBND ngày 23/6/2017	39.000	27.300	2.730	2.000	
9	Đầu tư xây dựng công trình đường quy hoạch số 1, huyện Yên Mỹ	Số 1231/QĐ-UBND ngày 28/4/2017; 1792/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	65.000	44.404	8.078	4.980	
10	Đường nối Cụm công nghiệp Tân Quang với Quốc lộ 5 (đoạn từ đường trục chính cụm Công nghiệp Tân Quang đến Công ty cổ phần cơ khí xây dựng công trình I)	Số 2375/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 2197/QĐ-UBND ngày 18/9/2020	37.000	37.000	8.200	3.000	
11	Đoạn tuyến nối ĐT.379 với QL.39 và đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, huyện Khoái Châu	Số 2403/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	76.000	76.000	16.200	15.000	
12	Dự án nâng cấp mở rộng đường gom (bên phải) đường cao tốc Hà Nội- Hải phòng (đoạn từ giao với ĐT.376 giao với QL.38)	Số 1887/QĐ-UBND 27/8/2019	65.500	65.500	50.500	30.000	
13	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn nối ĐH.66 xã Hồ Tùng Mậu huyện Ân Thi đến điểm giao ĐH.60 xã Chính Nghĩa huyện Kim Động	Số 1712/QĐ-UBND 08/8/2019	33.000	23.100	10.100	10.100	
14	Đầu tư xây dựng công trình kết nối đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào đến QL38 (đoạn thuộc thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên)	Số 2401/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	20.000	14.000	4.000	4.000	
15	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn km0+450 - Km1+300, huyện Văn Lâm	Số 791/QĐ-UBND ngày 20/3/2019; 1742/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	26.800	18.760	6.418	6.000	
16	Đầu tư xây dựng công trình cầu bắc qua sông Bàn Lễ trên ĐH.95	Số 2343/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	10.000	10.000	5.000	5.000	
17	Đầu tư xây dựng công trình đường trục xã Bảo Khê giai đoạn 2 (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	Số 2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	35.000	17.500	11.500	4.000	
18	Đường trục xã Tân Việt (Đoạn 1 từ đường ĐT.376 đến cổng làng Yên Đô; đoạn 2 từ đường ĐT.382 đến cổng nhà Mạc)	Số 2471/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.900	14.900	6.900	6.900	
19	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72 địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình Lê Như Hồ đến ngã ba Cu Tuế)	Số 1107/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	28.486	17.092	9.091	9.000	
20	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường Chùa Chuông, Bãi Sậy thành phố Hưng Yên	Số 2378/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	28.393	17.036	9.036	9.000	
21	Cải tạo, nâng cấp ĐH.80 đoạn từ ngã tư cầu Nhật Quang (Km2+610) đến giáp địa phận xã Tổng Trân (Km7+920), huyện Phù Cừ	Số 3627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	79.000	31.600	14.600	14.600	


TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
22	Cải tạo nâng cấp đường giao thông trên địa bàn huyện Kim Động - Đoạn tuyến từ ĐH.73 thuộc xã Đồng Thanh, huyện Kim Động đến điểm nối với ĐH.59B xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu	Số 2462/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.850	10.395	2.395	2.000	
23	Xây dựng tuyến ĐH.13 kéo dài (đoạn từ ĐT.385 đến giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh)	Số 2484/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	52.000	31.200	18.700	18.700	
24	Đường trục liên xã Hùng Cường - Phú Cường (đoạn từ nhà ông Cự, xã Hùng Cường đến nhà ông Mạnh xã Phú Cường)	Số 2505/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	29.000	14.500	9.500	9.000	
25	Cải tạo, nâng cấp ĐH.51 (đoạn từ bến đò Phương Trù đến ĐT.378)	Số 5885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	72.800	32.760	25.760	15.000	
26	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 cũ đoạn qua thị trấn Ân Thi từ lý trình km17+400 (ngã tư Bưu điện) đến km19+000 (ngã tư Bình Trị)	Số 2668/QĐ-UBND ngày 14/10/2018	73.273	51.291	22.691	17.600	
27	Cải tạo, nâng cấp đường trục trung tâm thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi	Số 3025/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	18.300	12.810	12.810	10.000	
28	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ phòng chống lụt bão huyện Kim Động	Số 1681/QĐ-UBND ngày 30/7/2020	77.000	42.650	42.650	30.000	
29	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL.5 đến Khu công nghiệp Thăng Long II (dọc kênh Hồ Chí Minh), phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào	Số 1737/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	38.500	19.250	4.250		
30	Đầu tư xây dựng đường trục phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào (đoạn từ QL.5A đến đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào)	Số 2663/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	41.000	20.500	15.500		
c	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		10.697.417	5.268.615	5.268.615	66.938	
	Dự án nhóm A						
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	Số 1848/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	2.894.000	894.000	894.000		
	Dự án nhóm B						
1	Xây dựng đường bên của tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	Số 2172/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	1.414.000	814.000	814.000		
2	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh phải (Km0+00- Km14+420 giao QL.39)	Số 23/NQ-HĐND ngày 30/6/2021; 2736/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	571.750	271.750	271.750		
3	Đường kết nối ĐT.387 với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Km31+100)	Số 156/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	320.000	320.000	320.000		
4	Cải tạo, nâng cấp ĐT.387 đoạn Km0+080 - Km2+843	Số 64/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2728/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	87.302	87.302	87.302		

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Đường trục trung tâm huyện Phù Cù (đoạn từ cầu Quán Bàu - ĐT.386 đến đường ĐH.80 - tuyến tránh QL.38)	Số 107/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	200.000	80.000	80.000		
6	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐT.378 đi qua Vụng Quạ đến đình làng Hạ Đồng, xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cù	Số 108/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	95.000	38.000	38.000		
7	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng) đến ĐH.85 huyện Phù Cù	Số 56/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	265.000	55.000	55.000		
8	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (cầu Quán Đò) với ĐT.378	Số 111/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	180.000	81.000	81.000		
9	Đầu tư xây dựng tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên đoạn từ ĐH.72 đến ĐT.376	Số 110/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	155.500	68.000	68.000		
10	Tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Tiên Lữ, đoạn từ ĐT.376 đến xã Đình Cao, huyện Phù Cù	Số 74/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	152.000	68.400	68.400		
11	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Điều đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)	Số 72/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	133.000	93.100	93.100		
12	Xây dựng đường giao thông liên xã Hồng Nam - Liên Phương - Phương Chiêu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc)	Số 106/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	116.000	81.200	81.200		
13	Đường giao thông liên xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường đến đê bồi xã Hùng Cường)	Số 105/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	110.340	65.100	65.100		
14	Cải tạo mở rộng đường trục trung tâm đoạn từ nút giao bến xe đến ĐT.387	Số 133/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	148.503	103.952	103.952		
15	Đường trục xã Cẩm Xá từ đường trục trung tâm đến thôn Nhuận Trạch	Số 134/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	110.000	49.500	49.500		
16	Xây dựng tuyến đường từ QL.39 đến ĐH.42 kéo dài, huyện Yên Mỹ	Số 132/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	205.000	105.000	105.000		
17	Dự án đường ĐH.34 kéo dài từ điểm giao QL.5 đến giao ĐT.376	Số 130/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	260.000	100.000	100.000		
18	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 đoạn từ địa phận xã Ngọc Long (Km6+050) đến địa phận xã Tân Việt (Km12+200)	Số 131/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	290.000	260.000	260.000		
19	Cải tạo, nâng cấp ĐH.57, huyện Khoái Châu	Số 69/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	384.000	100.000	100.000		
20	Đầu tư xây dựng ĐT.377 mới đoạn tuyến nối ĐT.383 - ĐT.384 (đoạn qua thị trấn Khoái Châu đến xã Phùng Hưng), huyện Khoái Châu	Số 113/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	128.500	20.000	20.000		
21	Xây dựng tuyến đường nối ĐH.57 với ĐT.384 đoạn qua xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu	Số 112/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	128.000	20.000	20.000		
22	Xây dựng đường Kênh Đông huyện Khoái Châu đoạn từ ĐH.57 đến ĐT.384	Số 114/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	160.000	10.000	10.000		
23	Cải tạo, nâng cấp ĐH.75 huyện Kim Động	Số 63/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	80.000	56.000	56.000		

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
24	Xây dựng ĐT.377 (đường quy hoạch mới), đoạn từ điểm giao với ĐH.73 đến điểm giao với ĐT.376	Số 62/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	297.000	207.900	207.900		
25	Đường ven đê tả sông Hồng, đoạn từ ĐT.379B đến ĐH.25	Số 128/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	87.700	61.390	61.390		
26	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 (đoạn từ Km3+150 đến Km 7+750)	Số 123/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	200.000	140.000	140.000		
27	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 đoạn Km0+000 - Km2+800	Số 73/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	88.000	88.000	88.000		
28	Xây dựng ĐH.15 (đoạn từ Công ty Acecook đến cụm công nghiệp Minh Khai)	Số 122/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	125.000	100.000	100.000		
Dự án nhóm C							
1	Đường nối ĐH.45 xã Đông Than với ĐT.376 xã Ngọc Long	Số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	73.600	73.600	73.600	50.000	
2	Xây dựng cầu Bình Lương trên sông Đình Dù, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm	Số 2979/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; 619/QĐ-UBND ngày 10/8/2020	19.863	9.000	9.000	4.972	
3	Cầu bắc qua sông Bắc Hưng Hải (kênh Kim Sơn) trên đường ĐH.22 xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang.	Số 376/NQ-HĐND ngày 29/4/2021; 5132/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	65.000	29.250	29.250	3.966	
4	Cải tạo, nâng cấp ĐH.20 đoạn từ ĐT.379B đến ĐH.22, huyện Văn Giang	Số 126/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	56.000	40.000	40.000		
5	Đầu tư xây dựng tuyến ĐH.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379	Số 127/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	62.000	43.400	43.400		
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.379B đoạn nút giao ĐT.379 đến nút giao ĐH.23, huyện Văn Giang	Số 129/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	45.000	31.500	31.500		
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hiệp Cường (đoạn từ xã Hiệp Cường đến giáp xã Trung Nghĩa, TP Hưng Yên)	Số 1246/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	10.000	5.000	5.000	5.000	
8	Xây dựng cầu Động Xá thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động	Số 71/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	42.138	29.497	29.497		
9	Tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ vị trí giáp ranh giữa 2 xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ và xã Đình Cao, huyện Phù Cừ đến ĐH.80)	Số 2783/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; 3591/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	69.000	27.600	27.600	-	
10	Dự án đường trục ngang giữa Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B và Khu công nghiệp Thăng Long II	Số 2560/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	60.000	30.000	30.000	-	
11	Xây dựng đường giao thông từ QL.39 (chân cầu vượt Phố Nối) qua tổ dân cư phố Đào Du (phường Phùng Chí Kiên)	Số 135/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	70.000	35.000	35.000		

Btrung

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
12	Đường ĐH.42 kéo dài (đoạn từ ĐH.34 đến ĐT.376)	Số 2790/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	79.800	55.860	55.860	3.000	
13	Dự án đường QH từ QL5A (giáp Hải Quan HY) đến nối vào đường giữa giai đoạn I và giai đoạn II của Khu công nghiệp Thăng Long II	Số 2628/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	27.000	13.500	13.500	-	
14	Xây dựng tuyến đường trục chính khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung tại xã Tân Dân, Ông Đình, huyện Khoái Châu	Số 78/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	70.000	20.000	20.000	-	
15	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.95 đoạn từ cầu Quán đỏ đến ngã tư Thị trấn Vương huyện Tiên Lữ	Số 2782/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	45.000	18.000	18.000	-	
16	Cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ Nghĩa trang Liệt sỹ xã Cẩm Ninh đến thôn Mão Xuyên, xã Nguyễn Trãi)	Số 60/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	36.300	25.410	25.410	-	
17	Xây dựng Cầu Trà Phương qua sông Cửu Yên (Cửu An) nối từ xã Hồng Quang sang xã Hồng Vân, huyện Ân Thi	Số 118/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	45.000	31.500	31.500	-	
18	Cải tạo, nâng cấp ĐH.60, huyện Ân Thi (đoạn từ Km0+500 đến Km3+500)	Số 58/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	31.800	22.260	22.260	-	
19	Đường quy hoạch mới số 04 (điểm đầu giao với ĐT.376 cũ, điểm cuối giao ĐH.65)	Số 120/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2713/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	63.156	44.209	44.209	-	
20	Nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới)	Số 115/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	25.000	17.500	17.500	-	
21	Cải tạo, nâng cấp ĐH.61 đoạn từ giao ĐT.384 đến trạm bơm Tam Đô xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi	Số 117/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	35.000	24.500	24.500	-	
22	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi (tuyến 1: Đoạn nối từ QL.38 đến thôn An Bá; tuyến 2: Đoạn nối từ cầu Minh Lý đến thôn Đanh Xá)	Số 116/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	28.000	19.600	19.600	-	
23	Cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi	Số 59/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	14.100	9.870	9.870	-	
24	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hồ Tùng Mậu (đoạn từ giao ĐT.376 cũ đến ĐT.376 mới)	Số 119/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	5.000	3.500	3.500	-	
25	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B đến đường nối từ ĐT.386 (cầu Quán Bàu) với ĐH.81 huyện Phù Cừ	Số 109/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	63.000	18.900	18.900	-	
26	Xây dựng đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ đường Chu Mạnh Chính đến khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)	Số 68/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	27.000	18.900	18.900	-	Nguồn sử dụng đất dự án khu đô thị Phúc Hưng



Nguyễn

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
27	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 (đoạn từ Km0+00 đến Km2+300)	Số 55/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2738/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	59.124	59.124	59.124		
28	Cầu Đình Dù trên ĐH.11B, huyện Văn Lâm	Số 125/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2748/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	8.041	8.041	8.041		
29	Đường trong cụm công nghiệp Tân Quang, huyện Văn Lâm (đoạn từ Công ty Hoàng Kim Hưng đến Công ty Cao su Giải Phóng)	Số 124/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	38.900	38.900	38.900		
30	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ Trung tâm giáo dục thường xuyên đến ngã ba bưu điện huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Số 121/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	38.000	26.600	26.600		
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; THỦY LỢI		2.864.303	1.850.170	1.396.368	264.267	
a	Dự án hoàn thành; dự án quyết toán		324.256	175.256	11.331	3.707	
	Dự án nhóm B						
1	Nâng cấp đường dọc sông, kè chống sạt lở và nạo vét sông Cầu Treo, huyện Yên Mỹ	Số 2273/QĐ-UBND ngày 21/10/2016	92.000	38.000	6.406	-	
2	Dự án Cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mỗi trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Số 667/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 2579/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 3024/QĐ-UBND ngày 25/12/2018	105.000	10.000	196	196	
	Dự án nhóm C						
1	Xây dựng công trình trạm bơm Nghĩa Dân, huyện Kim Động	Số 2148/QĐ-UBND ngày 23/10/2009	15.460	15.460	298		
2	Hệ thống tiêu thoát cho lưu vực kênh Độc Ngà	Số 2394/QĐ-UBND ngày 10/12/2008	4.305	4.305	90		
3	Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Kim Sơn, đoạn qua các xã Hưng Long, Ngọc Lâm, Minh Đức huyện Mỹ Hào	Số 1899/QĐ-UB ngày 28/9/2010	10.726	10.726	577	577,1	
4	Cải tạo, nạo vét sông Ngưu Giang (Giai đoạn II), huyện Văn Giang, Yên Mỹ	Số 1336/QĐ-UBND ngày 22/7/2009	4.572	4.572	23	23,1	
5	Xây dựng trạm bơm Thụy Lân, huyện Yên Mỹ	Số 2668/QĐ-UBND ngày 2/11/2004	3.290	3.290	87		
6	Xây dựng trạm bơm Thanh Khê, huyện Văn Lâm	Số 2658/QĐ-UBND ngày 29/10/2004	6.940	6.940	59		
7	Xây dựng trạm bơm Áp Bắc, huyện Ân Thi	Số 1179/QĐ-UBND ngày 20/5/2004	3.590	3.590	114		
8	Dự án xây dựng trạm bơm Văn Phú B (giai đoạn 2) huyện Mỹ Hào	Số 1748/QĐ-UBND ngày 17/10/2011	29.793	29.793	166	166,4	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Xây dựng trạm bơm Lương Tài (giai đoạn II), huyện Văn Lâm	Số 1894/QĐ-UBND ngày 28/9/2010	12.584	12.584	80	80,0	
10	Đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp cống Từ Hồ tại Km12+600 trên sông Ngưu Giang và cầu qua sông Đồng Than tại K3+433, huyện Yên Mỹ	Số 2253/QĐ-UBND ngày 18/10/2016; 2070/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	14.796	14.796	433	433	
11	Đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đa Lộc, huyện Ân Thi	Số 2302/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 982/QĐ-UBND ngày 08/4/2021	12.200	12.200	1.200	631	
12	Công trình Trạm bơm không ống cột nước thấp tưới, tiêu và cấp nguồn Tiên Kiều, huyện Ân Thi	Số 2291/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	9.000	9.000	1.600	1.600	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		241.628	145.028	61.351	48.559	
	Dự án nhóm B						
	Dự án Hệ thống thủy lợi vùng chuyên canh cây nhãn, cây vải tỉnh Hưng Yên (vốn cấp qua Bộ NN&PTNT)	Số 4416/QĐ-BNN-TCTL ngày 28/10/2016; 3213/QĐ-BNN-TCTL ngày 18/8/2020	81.584	11.374	11.374	5.000	
	Dự án nhóm C						
1	Kè mái sông Hòa Bình đoạn qua thành phố Hưng Yên	Số 384/QĐ-UBND ngày 08/2/2010; 1357/QĐ-UBND ngày 11/8/2011; 2708/QĐ-UBND ngày 29/11/2019	19.234	14.234	5.234	5.000	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cảnh Lâm, huyện Yên Mỹ	Số 52/QĐ-UBND ngày 09/01/2017; 981/QĐ-UBND ngày 08/4/2021	14.900	14.900	1.200	759	
3	Công trình cải tạo trạm bơm Văn Giang A cũ	Số 2290/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	14.000	14.000	2.000	2.000	
4	Công trình cải tạo cầu cống Ngõ Xuyên trên sông Đình Dù, huyện Văn Lâm	Số 2412/QĐ-UBND ngày 23/10/2019; 2587/QĐ-UBND ngày 04/11/2020	13.000	13.000	2.000	2.000	
5	Bờ bao kênh xả tiêu trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	Số 2473/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1897/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	28.350	11.310	3.310	3.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và hệ thống kênh thủy lợi phục vụ chống úng vùng nông nghiệp chuyên đổi xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	Số 2475/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	13.800	13.800	7.800	7.800	
7	Trạm bơm Hòa Đàm 1 xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Số 2474/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	31.000	31.000	19.000	18.000	




12/11/2021

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
8	Kênh tưới trạm bơm Cống Bún xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Số 2472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.260	11.260	5.283	5.000	
9	Công trình Cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Tân Hưng, thành phố Hưng Yên	Số 1171/QĐ-UBND ngày 17/5/2018; 1159/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	14.500	10.150	4.150		
c	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		358.486	341.686	341.686	-	
	Dự án nhóm C						
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Đàm Sen, huyện Yên Mỹ	Số 76/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2753/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	14.997	14.997	14.997		
2	Cải tạo, nạo vét và kè một số đoạn trên sông Ngưu Giang	Số 49/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2695/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	14.995	14.995	14.995		
3	Xây dựng trạm bơm vùng bãi Phụng Công, Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên và xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Số 104/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	15.000	15.000	15.000		
4	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T11, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Số 142/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	30.700	30.700	30.700		
5	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào	Số 140/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	36.500	36.500	36.500		
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Lý, huyện Kim Động	Số 52/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	27.300	27.300	27.300		
7	Trạm bơm không ống cột nước thấp tiêu, tưới Mai Viên, huyện Kim Động	Số 136/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	15.000	15.000	15.000		
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Trung Đạo	Số 139/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	15.000	15.000	15.000		
9	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Hồng Vân, huyện Ân Thi	Số 137/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	15.000	15.000	15.000		
10	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Chợ Thi, huyện Ân Thi	Số 138/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2751/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	14.999	14.999	14.999		
11	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Phúc Bồ, thị xã Mỹ Hào	Số 50/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2786/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	14.997	14.997	14.997		
12	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hoàng Nha, huyện Văn Lâm	Số 141/NQ-HĐND ngày 05/10/2021	26.000	26.000	26.000		

BCHUB

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và hệ thống kênh thủy lợi phục vụ chống úng vùng nông nghiệp chuyên đổi xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động	Số 54/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	10.000	10.000	10.000		
14	Cải tạo, kè gia cố mái kênh trung thủy nông Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ cầu Lường đến cầu Đậu phường Bạch Sam)	Số 53/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	10.000	10.000	10.000		
15	Trạm bơm tiêu không ống cột nước thấp Văn Giang II, huyện Yên Mỹ	Số 77/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2796/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	14.999	14.999	14.999		
16	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Số 51/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	12.000	12.000	12.000		
17	Nạo vét, kè và xây cống trên sông Mỏ Quạ, huyện Kim Động	Số 66/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	56.000	39.200	39.200		
18	Xây dựng trạm bơm không ống cột nước thấp Ba Đông, huyện Phù Cừ	Số 48/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	14.999	14.999	14.999		
d	Vốn các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia;		1.919.933	1.168.200	962.000	212.000	
d	Đề án phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, trong đó:		20.000	20.000	20.000		
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tại 03 xã: Thắng Lợi - huyện Văn Giang; Tân Châu - huyện Khoái Châu và Nguyễn Hòa - huyện Phù Cừ theo Đề án phát triển vùng bãi	Số 75/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	11.050	10.829	10.829		
III	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ; PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH		112.593	112.593	112.593	-	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		112.593	112.593	112.593	-	
	Dự án nhóm B						
1	Hoàn thiện trung tâm tích hợp dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin tỉnh Hưng Yên	Số 80/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2825/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	45.379	45.379	45.379		
2	Trường quay đa năng và các hạng mục phụ trợ Đài phát thanh và Truyền hình Hưng Yên	Số 90/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2685/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	67.214	67.214	67.214		
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		643.654	554.056	534.660	38.292	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		5.787	4.051	694	694	
	Dự án nhóm C						
	Trường lớp học 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Hòa Phong	Số 2084/QĐ-UBND ngày 26/7/2017	5.787	4.051	694	694	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		36.433	25.936	9.897	8.840	
	Dự án nhóm C						

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nhà lớp học lý thuyết, xưởng thực hành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã Mỹ Hòa	Số 2476/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.990	10.493	5.493	5.493	
2	Trung tâm thực hành chăm sóc người bệnh - Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên	Số 1897/QĐ-UBND ngày 14/8/2018	9.000	3.000	1.000	1.000	
3	Trường THCS xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ	Số 2844/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	12.443	12.443	3.404	2.347	
c	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		601.434	524.069	524.069	28.758	
	Dự án nhóm B						
	Mua sắm thiết bị dùng chung lớp 2, lớp 6 và phòng học ngoại ngữ đa năng thuộc Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Số 143/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	180.500	180.500	180.500		
	Dự án nhóm C						
1	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học và các công trình phụ trợ trường THPT Nam Phù Cừ	Số 99/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	28.000	28.000	28.000		
2	Nhà hiệu bộ kết hợp một số phòng học Trường THPT Văn Lâm	Số 103/NQ-HĐND ngày 16/9/2021;	14.980	14.980	14.980		
3	Nhà lớp học 12 phòng Trường THPT Đức Hợp, Kim Động	Số 98/NQ-HĐND ngày 16/9/2021;	14.996	14.996	14.996		
4	Nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật, thị xã Mỹ Hòa	Số 84/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2724/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.760	14.760	14.760		
5	Nhà lớp học, một số phòng chức năng và sân đường Trường THPT Phù Cừ	Số 101/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	21.000	21.000	21.000		
6	Nhà hiệu bộ và nhà lớp học Trường THPT Trung Vương	Số 102/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	25.260	25.260	25.260		
7	Nhà lớp học phòng thông Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên	Số 89/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2821/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	19.615	19.615	19.615		
8	Trường Trung học cơ sở xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ	Số 75/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.500	4.000	4.000	4.000	
9	Trường THCS xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và lớp học)	Số 1245/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	12.512	8.758	8.758	8.758	
10	Trường tiểu học xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu (Hạng mục: Nhà lớp học 9 phòng)	Số 81/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	9.900	4.000	4.000	4.000	
11	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng, Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Nguyễn Hòa	Số 96/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	14.950	4.000	4.000	4.000	



 B. B. B.

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
12	Trường mầm non Tô Quyền - Phân Hiệu 1	Số 1077/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	32.678	8.000	8.000	8.000	
13	Nhà tổ bộ môn, các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường THPT Nghĩa Dân, huyện Kim Động	Số 100/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	11.300	11.300	11.300		
14	Nhà hiệu bộ, tổ bộ môn và cải tạo nhà lớp học 03 tầng trường THPT Trần Hưng Đạo	Số 86/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	14.900	14.900	14.900		
15	Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng học bộ môn và 04 phòng học lý thuyết trường THCS Vĩnh Xá, huyện Kim Động	Số 97/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	14.500	10.000	10.000		
16	Nhà lớp học 12 phòng và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Đào Dương, huyện Ân Thi	Số 91/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	11.983	10.000	10.000		
17	Xây dựng 12 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hàm Tử, huyện Khoái Châu	Số 93/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	11.000	10.000	10.000		
18	Nhà lớp học 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Minh Phương, huyện Tiên Lữ	Số 95/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	14.700	10.000	10.000		
19	Nhà lớp học 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Hoàng Lê, thành phố Hưng Yên	Số 92/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	14.500	10.000	10.000		
20	Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ	Số 94/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	14.900	10.000	10.000		
21	Nhà lớp học 12 phòng và hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Đại Đồng, Văn Lâm	Số 96/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	10.000	10.000	10.000		
22	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp một số trường học còn thiếu phòng học		80.000	80.000	80.000		
V	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		751.907	604.213	458.014	75.764	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		27.381	27.381	1.741	1.741	
	Dự án nhóm C						
1	Xây dựng công trình nhà điều trị nội No5 Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	Số 1922/QĐ-UBND ngày 25/10/2007; 1746/QĐ-UBND ngày 07/9/2009; 1931/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	9.413	9.413	441	441	
2	Xây dựng công trình hệ thống nhà cầu và hạng mục sân vườn, đường nội bộ khu điều trị No5 Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	Số 1453/QĐ-UBND ngày 25/7/2008; 1932/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	4.247	4.247	21	21	
3	Xây dựng công trình Nhà kho và xưởng sửa chữa thiết bị Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	Số 361/QĐ-SKH&ĐT ngày 05/6/2009; 1928/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	1.728	1.728	251	251	
4	Xây dựng công trình khu hành chính Bệnh viện Tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên	Số 2076/QĐ-UBND ngày 09/12/2018	11.993	11.993	1.028	1.028	

HƯNG

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		311.221	238.527	117.968	74.023	
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên	Số 2278/QĐ-UBND ngày 21/10/2016; 2581/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	59.977	32.961	6.961	6.961	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế tại 15 cơ sở y tế tỉnh Hưng Yên	Số 276/QĐ-UBND ngày 29/01/2011	96.765	77.559	46.000	20.000	
3	Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và các bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Số 2279/QĐ-UBND ngày 21/10/2016; 2580/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	68.526	46.854	4.854	4.854	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng bệnh viện bệnh nhiệt đới, trực thuộc Sở Y tế	Số 2510/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	44.865	44.865	35.865	19.808	
2	Nhà khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú Trung tâm y tế huyện Ân Thi	Số 2466/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.200	6.400	2.400	2.400	
3	Cải tạo, mở rộng nhà điều dưỡng, sân đường; xây dựng mới nhà Khoa dinh dưỡng và các phòng chức năng Trung tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên	Số 2512/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	18.888	18.888	15.888	15.000	
4	Xây dựng khối nhà khám chữa bệnh, hành chính - Trung tâm Y tế huyện Mỹ Hào	Số 2417/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	11.000	11.000	6.000	5.000	
c	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		413.305	338.305	338.305	-	
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 1)	Số 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2721/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	59.830	59.830	59.830		
2	Xây dựng Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Phù Cừ	Số 57/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	95.000	20.000	20.000		
3	Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các Trung tâm y tế tuyến huyện trực thuộc Sở Y tế Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Số 61/NQ-HĐND ngày 31/8/2021; 2819/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	118.176	118.176	118.176		
	<i>Dự án nhóm C</i>						
1	Cải tạo, sửa chữa khối nhà bát giác và nhà cầu nối khối bát giác với khối điều trị tổng hợp - Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hưng Yên	Số 67/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	14.998	14.998	14.998		
2	Bệnh viện Tâm thần kinh - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa nhà khám bệnh, nhà phục hồi chức năng, nhà nghỉ cán bộ công nhân viên, cổng và tường rào, sân đường nội bộ	Số 65/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	10.500	10.500	10.500		
3	Khoa khám bệnh - Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Số 70/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	14.800	14.800	14.800		
4	Cải tạo, nâng cấp một số trung tâm y tế, bệnh viện xuống cấp		100.000	100.000	100.000		



forw

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
VI	LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI		495.275	275.415	257.605	9.000	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		17.526	4.000	3.623	-	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
	Tôn tạo, tu bổ di tích đình Triệu Đà, huyện Văn Giang	Số 2736/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	17.526	4.000	3.623		
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		110.723	53.378	35.945	5.500	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
1	Xây dựng đền thờ Danh nhân Nguyễn Trung Ngạn	Số 1435/QĐ-UBND ngày 22/6/2018; 2010/QĐ-UBND ngày 10/5/2019	24.996	9.998	4.000	4.000	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền Tống Trân, xã Tống Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Số 3106/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	14.900	4.470	1.500	1.500	
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hưng Yên	Số 2576/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	14.996	14.996	14.996		
4	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Hưng Yên	Số 1592/QĐ-UBND ngày 09/7/2018	10.950	10.449	10.449		
5	Xây dựng khu di tích Nguyễn Thiện Thuật, xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào	Số 1281/QĐ-UBND ngày 07/6/2019; 3474/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	44.881	13.464	5.000		
c	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		367.026	218.037	218.037	3.500	
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Số 181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	85.969	25.790	25.790		
2	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm huyện Khoái Châu	Số 81/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	80.000	30.000	30.000		
	<i>Dự án nhóm C</i>						
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa thôn Thị Trung, xã Đình Dù	Số 352/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	12.310	3.500	3.500	3.500	
2	GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Số 2464/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	38.747	38.747	38.747		
3	Xây dựng quảng trường trung tâm huyện Khoái Châu		50.000	20.000	20.000		
4	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp một số công trình thiết chế văn hóa và tu bổ di tích		100.000	100.000	100.000		
4.1	Nhà Thư viện 4 tầng - Thư viện tỉnh Hưng Yên	Số 157/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	14.980	14.980	14.980		
4.2	Các dự án chưa có danh mục dự kiến		85.020	85.020	85.020		

B. B. B.

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
VII	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI		232.553	212.222	110.184	8.599	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		47.175	40.587	3.142	1.599	
	Dự án nhóm B						
1	Nhà làm việc liên cơ quan thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 1762/QĐ-UBND ngày 20/10/2011; 1010/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	17.300	17.300	162	162	
2	Trụ sở làm việc huyện ủy Mỹ Hòa	Số 2922/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	21.959	15.371	1.437	1.437	
3	Hạng mục san nền, hàng rào dự án Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Hưng Yên	Số 3133/QĐ-UBND ngày 04/12/2017	7.916	7.916	1.543		
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		111.608	97.865	33.272	7.000	
	Dự án nhóm C						
1	Cải tạo, xây dựng hợp khối nhà làm việc các Ban Đảng Tỉnh ủy	Số 3074/QĐ-UBND ngày 23/11/2017; 1651/QĐ-UBND ngày 30/7/2020	25.972	25.972	7.172	7.000	
2	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp nhà công vụ Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	Số 2779/QĐ-UBND ngày 13/12/2019	29.600	29.600	24.600		
3	Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Hưng Yên	Số 2367/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 1872/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	56.036	42.293	1.500		
c	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		73.770	73.770	73.770	-	
	Dự án nhóm C						
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Nội vụ	Số 82/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	14.990	14.990	14.990		
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ	Số 87/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2789/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	10.380	10.380	10.380		
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư Pháp	Số 83/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	11.900	11.900	11.900		
4	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên	Số 85/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	15.000	15.000	15.000		

B. Hưng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT		Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số		Trong đó: Kế hoạch năm 2021
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Cải tạo, nâng cấp Trụ Sở làm việc Ban quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng	Số 88/NQ-HĐND ngày 16/9/2021; 2726/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	21.499,6	21.499,6	21.500		
XIII	LĨNH VỰC CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC; HẠ TẦNG KỸ THUẬT		933.148	120.500	19.900	6.000	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		11.500	11.500	1.000	1.000	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
	Khu dân cư đầu giá phường An Tảo	Số 2948/QĐ-UBND ngày 14/12/2018; 761/QĐ-UBND ngày 17/3/2020	11.500	11.500	1.000	1.000	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		921.648	109.000	18.900	5.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>						
	Dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - hợp phần dự án tại TP Hưng Yên	Số 2381/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	841.848	70.000	15.000	5.000	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
	Chỉnh trang, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực nội thị đô thị Mỹ Hào - huyện Mỹ Hào - tỉnh Hưng Yên	Số 2364/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	79.800	39.000	3.900		
IX	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		58.638	58.638	38.638	19.550	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		58.638	58.638	38.638	19.550	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
	Lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Số 2218/QĐ-UBND ngày 22/9/2020	58.638	58.638	38.638	19.550	
X	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG		92.579	72.850	54.011	4.161	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		32.729	23.000	4.161	4.161	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
	Hỗ trợ đầu tư Trung tâm giáo dục Quốc phòng và An ninh tỉnh gắn với Trường Quân sự tỉnh	Số 2917/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	32.729	23.000	4.161	4.161	
b	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		59.850	49.850	49.850	-	
	<i>Dự án nhóm B</i>						
	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Trung đoàn KTT 126 (giai đoạn I)	Số 46/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	59.850	49.850	49.850		
XI	LĨNH VỰC AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN, XÃ HỘI		919.212	360.962	190.712	37.000	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		71.712	71.712	40.712	37.000	
	<i>Dự án nhóm C</i>						
1	Nhà ăn Công an tỉnh	Số 2552/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	28.717	28.717	3.717	3.000	
2	Dự án doanh trại Đội chữa cháy khu vực Phố Nối A và Đội chữa cháy khu vực Văn Giang	Số 2608/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	42.995	42.995	36.995	34.000	

TT	Dan h mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMBT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
b	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		847.500	289.250	150.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Xây dựng nhà trực ban doanh trại; nhà tiếp dân, kho tàng thư và các hạng mục phụ trợ - Công an tỉnh Hưng Yên	Số 47/NQ-HĐND ngày 31/8/2021	50.000	50.000	50.000		
2	Dự án cơ sở làm việc công an xã, thị trấn (145 xã, thị trấn đã được bố trí quỹ đất)		797.500	239.250	100.000		
XII	CÁC DỰ ÁN KHU ĐẠI HỌC PHỐ HIẾN		1.774.947	1.620.470	905.183	100.000	
a	Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành		301.135	163.855	10.511	9.701	
	Dự án nhóm B						
	Giải phóng mặt bằng xây dựng mở rộng trường Đại học Thủy Lợi, hạng mục giải phóng mặt bằng xây dựng mở rộng trường Đại học Thủy Lợi	Số 2256/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	264.852	138.262	5.546	5.546	
	Dự án nhóm C						
1	Cải tạo di chuyển công trình điện phục vụ công tác GPMB xây dựng mở rộng trường Đại học Thủy Lợi	Số 304/QĐ-UBND ngày 04/12/2013	12.350	12.350	1.183	1.183	
2	Di chuyển trạm bơm An Viên và trạm bơm Phương Tường, huyện Tiên Lữ	Số 2799/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	11.500	810	810		
3	Cải tạo di chuyển công trình thủy lợi phục vụ công tác GPMB xây dựng mở rộng trường Đại học Thủy Lợi	Số 1822/QĐ-UBND ngày 04/12/2013	2.914	2.914	2.914	2.914	
4	Giải phóng mặt bằng xây dựng mở rộng trường Đại học Thủy Lợi, hạng mục chương trình phục hồi sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng nặng bởi dự án giải phóng mặt bằng mở rộng Trường Đại học Thủy Lợi	Số 2256/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	9.519	9.519	58	58	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		879.037	861.840	309.891	60.000	
	Dự án nhóm B						
1	Dự án Khu dân cư mới Nu-9 thuộc Khu Đại học Phố Hiến	Số 927/QĐ-UBND ngày 10/4/2018	111.593	111.593	14.324		
2	Dự án Khu dân cư mới Nam Nu-10, Khu Đại học Phố Hiến	Số 2516/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	48.298	48.298	42.833		
3	Dự án đường trục trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	Số 2509/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	90.867	90.867	74.565	20.000	
4	Hoàn thiện đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	Số 1811/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	120.612	120.612	6.760		
5	Dự án Đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	Số 2372/QĐ-UBND ngày 7/12/2015	171.973	154.776	13.664	5.000	
6	Dự án Khu dân cư mới Bắc Nu-10 Khu Đại học Phố Hiến	Số 1145/QĐ-UBND ngày 16/6/2016; 2232/QĐ-UBND ngày 07/8/2017	122.587	122.587	11.414		
7	Dự án đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	Số 2232/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	107.587	107.587	84.160	28.000	



TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT		Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số		Trong đó: Kế hoạch năm 2021
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Dự án nhóm C						
1	Dự án Khu dân cư mới phía Bắc Nu-9, Khu Đại học Phố Hiến	Số 1559/QĐ-UBND ngày 22/7/2019	29.173	29.173	13.287	7.000	
2	Dự án Hoàn chỉnh đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến Đường ĐH72)	Số 2438/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	76.347	76.347	48.884		
c	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		594.775	594.775	584.781	30.299	
	Dự án nhóm B						
1	Khu dân cư mới Nu-3, Khu Đại học Phố Hiến	Số 371/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	73.000	73.000	69.790		
2	Đường trục Bắc - Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ xã Trung Nghĩa đến tuyến đường trục phía Nam)	Số 1238/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	214.702	214.702	214.702	25.299	
	Dự án chưa duyệt chủ trương đầu tư dự kiến danh mục như sau:		219.227	219.227	219.227		
3	Hoàn thiện đường trục trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)		97.000	97.000	97.000		
4	Hoàn thiện đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)		102.992	102.992	102.992		
5	Các dự án chưa có danh mục dự kiến		19.235	19.235	19.235		
	Dự án nhóm C						
1	Dự án Khu dân cư mới TT7, Khu Đại học Phố Hiến	Số 113/QĐ-UBND ngày 18/01/2018	47.846	47.846	43.062		
2	Đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến kéo dài (đoạn từ đường bộ nối hai đường cao tốc đến đường ĐH.72)	Số 1258/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	40.000	40.000	38.000	5.000	
B	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				85.158		
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ kết nối di sản văn hoá, du lịch - phát triển kinh tế dọc sông Hồng	Số 1047/QĐ-SGTVT ngày 18/11/2021	3.676	3.676	3.676		
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Tân phúc - Vông Phan (giao ĐT.378)	Số 1178/QĐ-SGTVT ngày 18/11/2021	490	490	490		
D	DỰ PHÒNG XỬ LÝ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT SINH		215.028	215.028	215.028		

Btrung

